

Bản án số: 753/2017/DS-PT

Ngày: 21/8/2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;
2. Bà Lê Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 và 21 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 210/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1654/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Vũ Hoàng H** – sinh năm 1972

Địa chỉ: 128/4 đường T, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Út B – sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số 45/3 đường B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo hợp đồng ủy quyền có số công chứng 012704, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/8/2016.

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật Dịch vụ Đ**

Địa chỉ trụ sở: 223A Đường M, Khu phố H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Việt D – sinh năm 1971 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh P – sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: 798C đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/6/2017 của Giám đốc Công ty.

Người kháng cáo: Ông Đoàn Út B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Hoàng H kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo nguyên đơn ông Vũ Hoàng H có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Út B đại diện trình bày:***

Vào năm 2014 nguyên đơn và bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ Thuật Dịch Vụ Đ (sau đây gọi tắt Công Ty Đ) có giao kết hợp đồng bằng lời nói với nhau về việc hợp tác làm ăn và chia lợi nhuận, tuy nhiên sau khi hoàn tất việc làm ăn như đã thỏa thuận thì bị đơn không chia phần lợi nhuận cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 521.040.000 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), bao gồm: Tiền lợi nhuận từ việc hợp tác kinh doanh là 501.000.000 đồng (Năm trăm lẻ một triệu đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán lợi nhuận tạm tính đến 25/07/2016 là 20.040.000 (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Khoản tiền trên là lợi nhuận ông H được hưởng từ việc hợp tác kinh doanh với Công ty Đ tại các dự án, cụ thể:

1/ Dự án “Bàn lạnh 3 cửa” ký giữa Công ty Đ và Công ty Cổ phần N. Trong đó giá mua thiết bị 25.705.680 đồng; giá bán thiết bị 41.800.000 đồng; chi phí liên quan, các khoản thuế, phí: 2.500.000 đồng; lợi nhuận sau thuế 13.594.320 đồng. Lợi nhuận ông H được hưởng từ dự án 6.797.160 đồng.

2/ Dự án “Máy làm nước đá” theo hợp đồng mua bán thiết bị số CF-ĐT/04/07082015, ký giữa Công ty Đ và S Cafe. Trong đó giá mua thiết bị: 42.130.000 đồng; giá bán thiết bị: 52.000.000 đồng; chi phí liên quan, các khoản thuế, phí 1.000.000 đồng; lợi nhuận sau thuế 8.870.000 đồng. Lợi nhuận ông H được hưởng từ dự án 4.435.000 đồng.

3/ Dự án “Hệ thống thiết bị giặt ủi tại Bệnh viện T, Quận B” ký giữa Công ty Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T. Trong đó giá mua thiết bị 1.250.647.434 đồng; giá bán thiết bị 2.217.271.000 đồng; chi phí liên quan, các khoản thuế, phí 565.955.636 đồng; Lợi nhuận sau thuế 400.667.930 đồng. Lợi nhuận ông H được hưởng từ dự án 200.333.965 đồng.

4/ Dự án “Hệ thống giặt ủi – P.Q” ký giữa Công ty Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ Đ. Trong đó giá mua thiết bị 1.000.000.000 đồng; giá bán thiết bị 1.496.000.000 đồng; chi phí liên quan, các

khoản thuế, phí: 21.000.000 đồng; lợi nhuận sau thuế 475.000.000 đồng. Lợi nhuận ông H được hưởng từ dự án 237.500.000 đồng.

5/ Dự án “Máy giặt ở Khách sạn T” ký giữa Công ty Đ và Khách sạn T. Trong đó giá mua thiết bị 245.000.000 đồng; giá bán thiết bị 409.000.000 đồng; chi phí liên quan, các khoản thuế, phí 60.000.000 đồng; lợi nhuận sau thuế 104.000.000 đồng. Lợi nhuận ông H được hưởng từ dự án 52.000.000 đồng.

Tổng cộng, theo ông H, số tiền lợi nhuận ông H được hưởng từ các dự án nêu trên là: 501.066.125 đồng (Năm trăm lẻ một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) – làm tròn là 501.000.000 đồng (Năm trăm lẻ một triệu đồng).

Ngày 19/4/2017, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các dự án “Hệ thống giặt ủi – P.Q” ký giữa Công ty Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ Đ và dự án “Máy giặt ở Khách sạn T” ký giữa Công ty Đ và Khách sạn T với số tiền yêu cầu chia lợi nhuận là 301.080.000 đồng; chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phân chia lợi nhuận của các dự án còn lại là 234.838.000 đồng.

Về các hợp đồng, các tài liệu liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng giữa Công ty Đ và các đối tác nguyên đơn không giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án.

****Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật Dịch vụ Đ có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thanh P đại diện trình bày:***

Việc ông Vũ Hoàng H khởi kiện và yêu cầu Công ty Đ chia tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh với tổng số tiền 521.040.000 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý. Vì theo giấy phép của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì công ty Đ thành lập ngày 21/5/2012, thuộc loại hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do ông Nguyễn Viết D là chủ sở hữu, nhưng đến ngày 30/9/2015 thì chủ sở hữu công ty chuyển thành bà Nguyễn Thị H, còn ông Nguyễn Viết D là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Đ không góp vốn kinh doanh với bất kỳ ai, và cũng không hợp tác với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nếu Công ty huy động thêm vốn góp của người khác hoặc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho người khác thì Công ty sẽ chuyển thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên. Kể từ ngày hoạt động kinh doanh cho đến nay, Công ty Đ làm ăn với đối tác, khách hàng đều trên cơ sở ký kết hợp đồng bằng văn bản, không có việc thỏa thuận hợp đồng bằng lời nói. Mọi hoạt động kinh doanh đều được ghi chép và lưu giữ rõ ràng trong hồ sơ của Công ty. Các nguồn khách hàng của Công ty Đ được tìm kiếm thông qua bộ phận kinh doanh của Công ty.

Về mối quan hệ giữa ông H và ông Nguyễn Việt D - Giám đốc Công ty Đ: D, H và L (chị ruột của H) trước đây làm chung Công ty. Sau khi nghỉ việc, ông D thành lập Công ty Đ, ông H thường xuyên lui tới Công ty Đ do ông H không có việc làm. Từ chỗ quen biết nên ông D giúp đỡ ông H bằng cách giao cho H một số việc như: đi giao chứng từ báo giá, hợp đồng, giao nhận hàng... Ông D tính tiền xăng xe hoặc tiền cà phê, nước cho ông H. Chính vì vậy H không có tên trong danh sách lao động, cộng tác viên của Công ty.

Việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nói trên Công ty Đ không có ý kiến gì. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 234.838.000 đồng là không có căn cứ vì theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện thì giữa nguyên đơn và bị đơn không có bất kỳ giao kết hợp đồng nào như bị đơn đã trình bày trên, vì vậy bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

****Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:***

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và Khoản 1 Điều 91, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền rút lại là 301.080.000 đồng (Ba trăm lẻ một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật Dịch vụ Đ phải thanh toán số tiền 234.838.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 04/5/2017, ông Đoàn Út B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Hoàng H nộp đơn kháng cáo đề ngày 28/4/2017 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

****Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn ông Vũ Hoàng H có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Út B trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh đến nay chưa thanh toán là 234.838.000 đồng, bao gồm: Lợi nhuận của dự án “Bàn lạnh 3 cửa” là 6.797.160 đồng, lợi nhuận của dự án “Máy làm nước đá” là 4.435.000 đồng, lợi nhuận của dự án “Hệ thống thiết bị giặt ủi tại Bệnh viện T, Quận B” là 200.333.965 đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán theo quy

định của Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 tính từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2017 là 23.271.875 đồng. Căn cứ kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm là: (1) bản án sơ thẩm có nhiều chỗ sai sót, câu thả, không phù hợp các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; (2) lập luận của bị đơn không có căn cứ nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật Dịch vụ Đ có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thanh P trình bày: Công ty Đ giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đưa ra và cho rằng nguyên đơn khai lợi nhuận chia đôi là không đúng, ví dụ dự án V.C nguyên đơn nhận đủ 100% lợi nhuận, nếu có việc hợp tác làm ăn chung với nhau thật thì phải cùng nhau lời ăn lỗ chịu, nhưng thực tế Công ty Đ chưa từng hợp tác làm ăn với cá nhân, tổ chức nào và trong mọi hoạt động kinh doanh của mình Công ty Đ vẫn đảm bảo tự thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đoàn Út B, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: Theo đại diện nguyên đơn trình bày thì ông H và Công ty Đ giao kết hợp đồng hợp tác bằng lời nói, thỏa thuận sau khi trừ chi phí thì lợi nhuận chia đôi nhưng không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện rõ việc hợp tác này, bị đơn khẳng định không giao kết hợp đồng, không có việc hợp tác kinh doanh với bất kỳ ai kể cả nguyên đơn, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đoàn Út B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Hoàng H làm trong hạn luật định, đã tạm nộp án phí phúc thẩm, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

(2) Về nội dung kháng cáo:

Theo lời trình bày của ông Đoàn Út B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì từ năm 2014 nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng hợp tác kinh doanh bằng lời nói, theo đó lợi nhuận thu được sẽ chia đôi, thực tế hai bên đã cùng thực hiện và phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận đối với một số dự án như dự án cung cấp tủ đông cho Bệnh viện N, dự án cung cấp máy ủi drap để phục vụ công trình khách sạn N...; Tuy nhiên các dự án thực hiện trong năm

2015 gồm dự án “Bàn lạnh 3 cửa” theo hợp đồng ký giữa Công ty Đ và Công ty Cổ phần N (50% lợi nhuận là 6.797.160 đồng), dự án “Máy làm nước đá” theo hợp đồng ký giữa Công ty Đ và Cửa hàng S Coffe (50% lợi nhuận là 4.435.000 đồng) và dự án “Hệ thống giặt ủi tại Bệnh viện T, Quận B” theo hợp đồng ký giữa Công ty Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn thực phẩm T (50% lợi nhuận là 200.333.965 đồng) cho đến nay Công ty Đ vẫn không chịu thanh toán lợi nhuận theo thỏa thuận; vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền lợi nhuận này, cùng với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 nhưng không được Tòa sơ thẩm chấp nhận nên kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định nguyên đơn, bị đơn giao kết hợp đồng hợp tác kinh doanh bằng lời nói và đưa ra chứng cứ là file ghi âm giữa ông D và ông H ngày 27/01/2017; các email trao đổi giữa ông H và ông D các ngày 28/6/2014, 28/02/2015, 15/4/2015, 23/7/2015 để chứng minh có việc hợp tác kinh doanh và thỏa thuận chia đôi lợi nhuận giữa ông H và Công ty Đ, đồng thời yêu cầu bị đơn trả các khoản lợi nhuận lần lượt là dự án “Bàn lạnh 3 cửa” 6.797.160 đồng, dự án “Máy làm nước đá” 4.435.000 đồng, dự án “Hệ thống thiết bị giặt ủi tại Bệnh viện T, Quận B” là 200.333.965 đồng; Về phía người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định dự án “Máy làm nước đá” lợi nhuận là 7.048.500 đồng, 50% lợi nhuận là 3.524.250 đồng; dự án “Bàn lạnh 3 cửa” lợi nhuận là 9.560.500 đồng, 50% lợi nhuận là 4.780.250 đồng; dự án “Hệ thống thiết bị giặt ủi Bệnh viện T lợi nhuận là 269.199.538 đồng, 50% lợi nhuận là 134.599.976 đồng; dự án V.C người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn thống nhất là ông H nhận 100% lợi nhuận. Như vậy lợi nhuận thu được từ các dự án mà nguyên đơn cho rằng hai bên hợp tác với nhau là không thống nhất, lợi nhuận thu được có khi ông H nhận về toàn bộ 100% chứ không phải là 50%; các email, file ghi âm trên không thể hiện rõ có việc hợp tác kinh doanh và chia đôi lợi nhuận giữa hai bên, ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho tòa sơ thẩm như trên thì nguyên đơn không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, không được bị đơn thừa nhận nên không đủ cơ sở buộc bị đơn phải trả tiền phân chia lợi nhuận tổng cộng 234.838.000 đồng cho nguyên đơn như nguyên đơn đã yêu cầu.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm cầu thả, có nhiều sai sót như thời gian của quyết định đưa vụ án ra xét xử không đúng, xác định sai loại việc tranh chấp khi thụ lý, ghi không đúng lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về thời gian ông H hợp tác kinh doanh với Công ty Đ... là đúng; tuy nhiên những thiếu sót này có thể khắc phục ở cấp phúc thẩm và không làm ảnh hưởng đến nội dung, quyết định của vụ án nên không có cơ sở để sửa án sơ thẩm, vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 38, Điều 91, Điều 148, Điều 306, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đoàn Út B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Hoàng H làm trong hạn luật định được chấp nhận.

*Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Út B là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Hoàng H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Hoàng H có ông Đoàn Út B là người đại diện hợp pháp về việc buộc bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật Dịch vụ Đ phải trả tiền phân chia lợi nhuận và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 234.838.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả tiền lợi nhuận thu được từ dự án “Hệ thống giặt ủi P.Q” và dự án “Máy giặt ở khách sạn T” là 301.080.000 đồng (Ba trăm lẻ một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.741.900 đồng (Mười một triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn chín trăm đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp là 12.420.800 đồng (Mười hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng) theo biên lai thu tiền số AD/2014/0009975 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn lại cho ông Vũ Hoàng H số tiền chênh lệch là 678.900 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm đồng). Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Hoàng H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/07847 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- TAND Quận B (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Chi cục THADS Quận B (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương